

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ
Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2025
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Toàn và bà Dương Thị Mai Hương
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bé - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn A TS, xã TP, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đ**, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn ĐN, xã BL, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị P trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án:

Về tình cảm: Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ đăng ký kết hôn với nhau vào 07/3/2019 tại UBND xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị Trương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Trương Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đ.

Về con chung: Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ có 04 con chung là các cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015, Nguyễn Bảo N, sinh ngày

06/10/2017, Nguyễn Quỳnh Tú A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/12/2021. Khi ly hôn, chị Trương Thị P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả bốn con. Không yêu cầu anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đ mặc dù đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trương Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đ.

Về con chung: Giao 04 cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/10/2017, Nguyễn Quỳnh Tú A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/12/2021 cho chị Trương Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trương Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đ và giải quyết về con chung khi ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đ có nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay tại thôn ĐN, xã BL, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Đ được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2019 tại UBND xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị). Như vậy, hôn nhân giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ được pháp luật công nhận.

Theo kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ tại UBND xã BL ngày 07/10/2025 và UBND xã TP, tỉnh Quảng Trị ngày 28/11/2025, thì giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau trong nhiều năm. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa các chị P và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các phiên hòa giải nhưng anh Nguyễn Đ không tham gia, điều đó thể hiện anh Nguyễn Đ không mong muốn đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cuộc hôn nhân.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận cho chị Trương Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung:

Chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ có 04 con chung là các cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/10/2017, Nguyễn

Quỳnh Tú A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/12/2021. Khi ly hôn, chị Trương Thị P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả bốn con. Chị Trương Thị P không yêu cầu anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, Tòa án phải xem xét bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị Trương Thị P hiện tại có thu nhập ổn định, khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các cháu ở cùng với chị P và được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh Nguyễn Đ đã bỏ mặc cuộc hôn nhân, không có ý kiến gì về con chung nên không có căn cứ giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, các cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/10/2017 đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ khi bố, mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của các cháu là phù hợp với độ tuổi, tâm sinh lý và điều kiện thực tế hiện nay. Do đó, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con của chị Trương Thị P là hợp tình, hợp lý, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị Trương Thị P việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng chị Trương Thị P vẫn không yêu cầu anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy người trực tiếp nuôi con là chị Trương Thị P có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con và việc chị Trương Thị P không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, không buộc anh Nguyễn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, cần giao 04 cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/10/2017, Nguyễn Quỳnh Tú A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/12/2021 cho chị Trương Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trương Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị P và anh Nguyễn Đ. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 07/3/2019 của UBND xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị).*

2. Về con chung: Giao 04 cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 19/7/2015; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/10/2017; Nguyễn Quỳnh Tú A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/12/2021 cho chị Trương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Nguyễn Đ thực hiện quyền này.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Trương Thị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0000371 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Trương Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đ có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7-Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Tuyên Phú, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn